TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:85/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27/5/2019
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa*: Ông **NGUYỄN TRUNG TÍNH**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **TRẦN THANH TÙNG**
2. Ông **ĐỖ DUY HỪNG**
- *Thư ký phiên Tòa:* Ông **NGUYỄN CHIẾN CÔNG** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 259/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp *"xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

* <u>*Nguyên đơn*</u>: Chị **NGUYỄN THỊ ÁNH T,** sinh năm 1993
HKTT: ấp HP3, xã HMBA, huyện CB, tỉnh TG.
Địa chỉ: ấp MT, xã HMBB, huyện CB, tỉnh TG.
*<u>*Bị đơn:*</u> Anh **NGUYỄN VĂN Đ (Đ),** sinh năm 1991
Địa chỉ: ấp HP3, xã HMBA, huyện CB, tỉnh TG.
(Chị T, anh Đ(Đ) có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai tại Toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh T trình bày:

Chị và anh Đ (Đ) xác lập quan hệ vợ chồng năm 2012, có đăng ký kết hôn, sau khi cưới về sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn và kéo dài đến nay. Nguyên nhân theo chị là do vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi nhau, anh Đ (Đ) không tôn trọng chị, chị và gia đình chồng mâu thuẫn, anh Đ (Đ) đuổi không cho chị và con ở chung nhà, do không thể tiếp tục chung sống được nên vợ chồng ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay chị xin ly hôn anh Đ (Đ).

+ Về con chung : Anh chị có 01 con chung tên : Nguyễn Thị Như Ý, sinh ngày 04/8/2013, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, chị không yêu cầu cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

* Theo tờ khai và lời trình bày tại phiên tòa, phía bị đơn anh Nguyễn Văn Đ (Đ) trình bày:

Anh và chị T xác lập quan hệ hôn nhân năm 2012, có đăng ký kết hôn, chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo anh là do vợ chồng có lời qua tiếng lại về vấn đề kinh tế tiền bạc trong gia đình, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, vợ anh và mẹ ruột anh thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ anh bỏ đi về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ năm 2015 cho đến nay, hai bên không hàn gắn đoàn tụ được, vợ chồng ly thân từ đó. Anh chị

có 01 con chung theo lời vợ anh trình bày là đúng. Về tài sản chung và nợ chung: không có. Nay anh đồng ý ly hôn, về con chung anh yêu cầu nuôi con, không yêu cầu chị Tuyết cấp dưỡng.

Tại phiên tòa chị T và anh Đ (Đ) vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân : Chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Nguyễn Văn Đ (Đ) xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2012, có đăng ký kết hôn. Theo lời chị T khai vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn và kéo dài đến nay, nguyên nhân theo chị là do anh Đ (Đ) không tôn trọng chị, chị và gia đình chồng mâu thuẫn, anh Đ (Đ) đuổi không cho chị và con ở chung nhà, do không thể tiếp tục chung sống được nên vợ chồng ly thân từ năm 2015 đến nay, chị xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên nay chị xin ly hôn anh Đ(Đ). Còn anh Đ(Đ) xác định mâu thuẫn vợ chồng là do vấn đề làm ăn kinh tế tiền bạc trong gia đình, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, vợ anh và mẹ ruột anh thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ anh bỏ đi về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ năm 2015 cho đến nay, hai bên không hàn gắn đoàn tụ được, nay anh cũng thống nhất đồng ý ly hôn.

Xét thấy, chị T và anh Đ (Đ) đã xảy ra mâu thuẫn kéo dài từ năm 2015 cho đến nay nhưng không hàn gắn đoàn tụ được, chứng tỏ tình cảm của anh chị đã thật sự tan vỡ, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phía chị T và anh Đ (Đ) đều thống nhất thỏa thuận ly hôn. Nhận thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên đương sự, cũng phù hợp theo quy định pháp luật nên hội đồng xét xử ghi nhận.

[2] Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên : Nguyễn Thị Như Ý, sinh ngày 04/8/2013, tại phiên tòa phía chị T và anh Đ (Đ) đều có nguyện vọng nuôi con khi ly hôn , xét thấy phía chị T và anh Đ (Đ) về khả năng kinh tế đều đủ khả năng nuôi con chung, tuy nhiên từ khi anh chị ly thân con chung do chị T nuôi dưỡng đã ổn định, cháu vẫn phát triển tốt bình thường cũng phù hợp theo đơn xin xác nhận do chị T cung cấp có xác nhận của ban quản lý ấp MT, xã HMB B ngày 24/4/2019 về hiện trạng nuôi con chung của chị T, mặc khác cháu Như Ý là bé gái, hiện nay còn quá nhỏ rất cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ, do vậy hội đồng xét xử xét thấy để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý của con chung và ổn định cuộc sống của cháu nên tiếp tục giao con chung cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp theo điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy không chấp nhận yêu cầu nuôi cháu Như Ý của anh Đ(Đ).

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T xác định đủ khả năng nuôi con, chị không yêu cầu anh Đ(Đ) cấp dưỡng nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ ***Về quan hệ hôn nhân***:

Ghi nhận sự thỏa thuận ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Nguyễn Văn Đ (Đ).

2/ ***Về con chung***:

- Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn Đ (Đ) về việc yêu cầu nuôi cháu Nguyễn Thị Như Ý, sinh ngày 04/8/2013.

- Tiếp tục giao con chung cháu Nguyễn Thị Như Ý, sinh ngày 04/8/2013 cho chị T nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn Đ (Đ) không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn Đ (Đ) được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3/ ***Về tài sản chung***: Không có.

4/ ***Về nợ chung***: Không có.

5/ ***Về án phí***

Chị Nguyễn Thị Ánh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 10127 ngày 17/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên xem như chị đã thi hành xong.

Về quyền kháng cáo: Chị T và anh Đ (Đ) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- *TAND Tỉnh Tiền Giang;*
- *VKSND Huyện Cái Bè;*
- *Chi cục THADS Huyện Cái Bè;*
- *UBND xã nơi ĐKKH;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN TRUNG TÍNH